

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2025

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Ngày: 10/01/2025

QUYẾT ĐỊNH

Về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước; Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng đối với các khoản nợ vay mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Phát triển) chịu rủi ro tín dụng phát sinh trong quá trình hoạt động của Ngân hàng Phát triển, gồm:

- Khoản nợ vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.
- Khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại.
- Khoản nợ vay khác của Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro tín dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Phát triển.
2. Khách hàng có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Phát triển thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quyết định này.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Khoản nợ vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước” là các khoản nợ vay gồm:

a) Khoản nợ vay theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước;

b) Khoản nợ vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đối với các hợp đồng đã ký trước ngày Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước có hiệu lực thi hành (sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2017/NĐ-CP);

c) Khoản nợ vay theo chương trình, dự án do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao mà Ngân hàng Phát triển được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất và/hoặc phí quản lý;

d) Khoản nợ vay Ngân hàng Phát triển nhận bàn giao từ tổ chức tiền thân.

2. “Khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh” là các khoản nợ vay bắt buộc sau khi Ngân hàng Phát triển thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. “Khoản nợ vay khác” là các khoản nợ vay gồm:

a) Khoản nợ vay Ngân hàng Phát triển cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ do Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro tín dụng;

b) Khoản nợ vay khác của Ngân hàng Phát triển theo lãi suất thỏa thuận, không được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất và phí quản lý.

4. “Rủi ro tín dụng” là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng Phát triển do khách hàng không có khả năng trả được một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay (gốc, lãi) của mình theo đúng Hợp đồng tín dụng hoặc Hợp đồng nhận nợ nguyên tắc/Hợp đồng nhận nợ bắt buộc theo quy định của pháp luật về việc Ngân hàng Phát triển bảo lãnh cho các doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng thương mại (sau đây gọi tắt là Hợp đồng nhận nợ) đã ký với Ngân hàng Phát triển.

5. “Xử lý rủi ro tín dụng” là việc Ngân hàng Phát triển chuyển theo dõi ngoại bảng hoặc bán nợ theo quy định tại Quyết định này.

6. “Chuyển theo dõi ngoại bảng” là hình thức thay đổi hạch toán đối với khoản nợ, chuyển khoản nợ được xử lý rủi ro tín dụng ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng; là công việc nội bộ của Ngân hàng Phát triển; không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với khoản nợ được chuyển theo dõi ngoại bảng và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến khoản nợ.

7. “Bán nợ” là việc Ngân hàng Phát triển chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ và các quyền khác có liên quan đến khoản nợ cho bên mua nợ và nhận tiền thanh toán từ bên mua nợ thông qua Hợp đồng mua bán nợ.

8. “Giá bán nợ” là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho Ngân hàng Phát triển theo Hợp đồng mua bán nợ được hai bên ký kết theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

9. “Bên mua nợ” là các tổ chức, cá nhân thực hiện mua nợ của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.

10. “Giá trị ghi sổ của khoản nợ” là giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng hoặc giá trị theo dõi trên hệ thống quản trị của NHPT đối với các khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Nguyên tắc xử lý rủi ro tín dụng

1. Việc xử lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng Phát triển phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo đầy đủ điều kiện, hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc xử lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng Phát triển phải gắn trách nhiệm của Ngân hàng Phát triển, khách hàng vay vốn và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cho vay, thu hồi và xử lý nợ vay.

3. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật để xảy ra rủi ro tín dụng hoặc vi phạm trong quá trình xử lý nợ bị rủi ro tín dụng phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật liên quan.

4. Ngân hàng Phát triển sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý rủi ro theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định xử lý rủi ro tín dụng

Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển xem xét, quyết định các nội dung sau:

1. Phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng, trong đó báo cáo rõ kết quả thu hồi nợ từ xử lý tài sản bảo đảm và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt.

2. Phê duyệt việc phân loại nợ đối với khoản nợ được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

3. Phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong toàn hệ thống, bao gồm cả việc xử lý tài sản bảo đảm.

4. Việc sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để chuyển theo dõi ngoại bảng đối với khoản nợ.

5. Xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng và bán khoản nợ được định giá thấp hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ theo quy định tại Quyết định này.

6. Bán khoản nợ đang hạch toán nội bảng hoặc ngoại bảng với giá bán bằng hoặc cao hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ và bán các khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng.

7. Xuất toán nợ lãi không thu hồi được ra khỏi ngoại bảng đối với các khoản nợ vay không còn nợ gốc thuộc các trường hợp khách hàng là tổ chức đã phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật và sau khi thanh lý, xử lý toàn bộ tài sản hoặc khách hàng là cá nhân được xác định chết hoặc mất tích theo quy định pháp luật và đã xử lý xong di sản, nghĩa vụ của người này theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng

1. Ngân hàng Phát triển sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng theo quy định tại Quyết định này.

2. Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2023: Ngân hàng Phát triển sử dụng dự phòng rủi ro được trích lập theo quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 78/2023/NĐ-CP) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) để xử lý rủi ro tín dụng. Nguyên tắc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng, bán nợ như đối với các ngân hàng thương mại.

3. Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023, các khoản nợ vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và các khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh: Ngân hàng Phát triển sử dụng dự phòng rủi ro được trích lập theo quy định tại khoản 1 Điều 16

Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển (sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2021/NĐ-CP) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) để xử lý rủi ro tín dụng theo quy định tại Quyết định này.

4. Đối với các khoản nợ vay khác: Ngân hàng Phát triển sử dụng dự phòng rủi ro được trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) để xử lý rủi ro tín dụng theo quy định tại Quyết định này.

Điều 7. Nguyên tắc xử lý khi có tổn thất về tài sản đối với khoản nợ

Trường hợp có tổn thất về tài sản đối với khoản nợ, Ngân hàng Phát triển xem xét, xử lý theo nguyên tắc như sau:

1. Xử lý tài sản bảo đảm (nếu có) theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật.

2. Xác định nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý tổn thất về tài sản đối với khoản nợ từ các nguồn sau:

a) Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì tập thể, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;

c) Sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí để bù đắp theo quy định của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp quy định tại Điều 8 Quyết định này;

d) Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của tập thể, cá nhân, tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ của Ngân hàng Phát triển.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 CHUYỂN THEO DỐI NGOẠI BẢNG

Điều 8. Nguyên tắc và hồ sơ chuyển theo dõi ngoại bảng

1. Ngân hàng Phát triển sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng trong các trường hợp sau:

a) Khoản nợ vay của khách hàng là tổ chức bị phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật;

b) Khoản nợ vay của khách hàng là cá nhân được xác định mất tích hoặc chết theo quy định của pháp luật;

c) Khoản nợ vay của khách hàng được phân loại nhóm 5 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có và cam kết ngoại bảng tại Ngân hàng Phát triển.

2. Nguyên tắc sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng:

a) Đối với trường hợp Ngân hàng Phát triển đã xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và không thu hồi đủ nợ vay, Ngân hàng Phát triển sử dụng dự phòng theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 Quyết định này để chuyển theo dõi ngoại bảng đối với số dư nợ gốc còn lại của khoản nợ;

b) Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2023 chưa xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, Ngân hàng Phát triển sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng theo quy định đối với ngân hàng thương mại;

c) Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023, các khoản nợ vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, các khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh và các khoản nợ vay khác chưa xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, Ngân hàng Phát triển sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng đối với số dư nợ gốc còn lại của khoản nợ, khẩn trương tiến hành xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng nhận nợ và Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký, Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.

3. Ngân hàng Phát triển không được thông báo cho khách hàng về việc khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng.

4. Hồ sơ chuyển theo dõi ngoại bảng gồm:

a) Hồ sơ cấp tín dụng và hồ sơ thu nợ đối với các khoản nợ được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận sao y của Ngân hàng Phát triển;

b) Hồ sơ tài sản bảo đảm và các giấy tờ khác có liên quan (nếu có): Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận sao y của Ngân hàng Phát triển;

c) Quyết định hoặc phê duyệt của Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển về kết quả phân loại nợ đối với khoản nợ được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực;

d) Quyết định hoặc phê duyệt của Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng: Bản chính;

đ) Đối với trường hợp khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp bị phá sản, giải thể, ngoài hồ sơ nêu tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này phải có bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án hoặc quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Đối với trường hợp khách hàng là cá nhân bị chết, mất tích, ngoài hồ sơ nêu tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này phải có bản chính hoặc bản sao được chứng thực Giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử hoặc tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

g) Các tài liệu khác (nếu có) theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Phát triển.

Điều 9. Theo dõi khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng và xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng

1. Sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng đối với khoản nợ, Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm tiếp tục theo dõi, có các biện pháp thu hồi nợ đầy đủ, triệt để đối với các khoản nợ được xử lý rủi ro theo quy định, trừ trường hợp khoản nợ sau khi sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng được Ngân hàng Phát triển bán cho tổ chức, cá nhân thu được đầy đủ tiền bán nợ theo Hợp đồng mua bán nợ quy định tại Quyết định này.

2. Sau thời gian tối thiểu 05 năm, kể từ ngày chuyển theo dõi ngoại bảng và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu được nợ, Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển xem xét, quyết định việc xuất toán khoản nợ (trừ các khoản nợ đã bán theo quy định tại Quyết định này) ra khỏi ngoại bảng sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có hồ sơ, tài liệu chứng minh đã thực hiện tất cả các biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được;

b) Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu xác định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc xử lý tổn thất về tài sản của Ngân hàng Phát triển khi xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng;

c) Phải được Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển thẩm định và thống nhất với đề xuất của Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển.

3. Trước khi xem xét, quyết định xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng, Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm tổng hợp các khoản nợ dự kiến xuất toán ra khỏi ngoại bảng (nếu có) theo từng đợt (tối thiểu 01 năm/lần) gửi Bộ Tài chính để lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan liên quan trước khi tổng hợp gửi Ngân hàng Phát triển trong thời gian tối đa là 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định. Văn bản báo cáo của Ngân hàng Phát triển gửi Bộ Tài chính bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Thực trạng khoản nợ dự kiến xuất toán ra khỏi ngoại bảng: Tên dự án vay vốn/khách hàng vay vốn, thời gian vay vốn, thời điểm chuyển theo dõi ngoại bảng; thực trạng thu hồi nợ (gốc, lãi) của khoản vay, dư nợ còn lại chưa thu hồi được tại thời điểm trình xuất toán; tác động của việc xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng đến tài chính của Ngân hàng Phát triển;

b) Tình trạng pháp lý của khách hàng vay vốn; tình hình tài chính của khách hàng vay vốn theo số liệu tại báo cáo tài chính năm gần nhất với thời điểm đề nghị xuất khoản nợ ra khỏi ngoại bảng được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp khách hàng đã phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật hoặc dừng hoạt động theo xác nhận của cơ quan có thẩm quyền); tình hình vay vốn của khách hàng tại các tổ chức tín dụng khác (nếu có); thông tin quan hệ tín dụng của khách hàng theo số liệu do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC) cung cấp tại thời điểm đề nghị xuất toán;

c) Các biện pháp đã sử dụng để thu hồi nợ vay sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng và hồ sơ, tài liệu chứng minh đã thực hiện tất cả các biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được nợ;

d) Việc xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc xử lý tổn thất về tài sản của Ngân hàng Phát triển khi xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng;

đ) Ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển, Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển về việc đáp ứng điều kiện xuất toán ra khỏi ngoại bảng của khoản nợ và ý kiến khác (nếu có);

e) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý (nếu có).

4. Các khoản nợ được xuất toán ra khỏi ngoại bảng phải được Ngân hàng Phát triển theo dõi trong hệ thống quản trị của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật về trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa dịch vụ công trình xây dựng tại doanh nghiệp trong thời hạn tối thiểu là 10 năm kể từ ngày khoản nợ được xuất toán ra ngoại bảng theo quyết định của Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển, trừ các khoản nợ mà khách hàng là tổ chức đã phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật và sau khi

thanh lý, xử lý toàn bộ tài sản hoặc khách hàng là cá nhân được xác định chết hoặc mất tích theo quy định pháp luật và đã xử lý xong di sản, nghĩa vụ của người này theo quy định của pháp luật hoặc các khoản nợ ngoại bảng đã hoàn thành thủ tục bán nợ và xử lý tài chính khi bán nợ theo quy định tại Điều 14 Quyết định này. Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm theo dõi, thu nợ đối với các khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng (trừ các khoản nợ đã bán theo quy định tại Quyết định này).

5. Hồ sơ xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng gồm:

a) Hồ sơ chuyển theo dõi ngoại bảng theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quyết định này;

b) Hồ sơ, tài liệu về xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng gửi xin ý kiến của Bộ Tài chính và cơ quan liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều này: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận sao y của Ngân hàng Phát triển;

c) Quyết định của Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển về việc xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng sau khi Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều này: Bản chính;

d) Quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đối với khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

đ) Tài liệu chứng minh đã thực hiện tất cả các biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật liên quan.

6. Hồ sơ lưu trữ về xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật phải được Ngân hàng Phát triển lưu giữ vĩnh viễn theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Xử lý số tiền thu hồi được từ các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng

Số tiền thu hồi được từ khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng (kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm và số tiền thu hồi được từ các khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng), được hạch toán theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển.

Mục 2 BÁN NỢ

Điều 11. Bán nợ

1. Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển xem xét, quyết định việc bán nợ để thu hồi nợ vay khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định này hoặc khoản nợ đang được theo dõi ngoại bảng hoặc đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng;

b) Ngân hàng Phát triển và khách hàng không có thỏa thuận bằng văn bản về việc không được bán khoản nợ;

c) Khoản nợ không được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự tại thời điểm bán nợ trừ trường hợp bên nhận bảo đảm đồng ý bằng văn bản về việc bán nợ;

d) Việc bán các khoản nợ được định giá thấp hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ chỉ thực hiện đối với khoản nợ đang được theo dõi ngoại bảng hoặc đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng và việc bán các khoản nợ này phải đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Nguyên tắc thực hiện bán nợ:

a) Ngân hàng Phát triển thực hiện bán nợ theo quy định của pháp luật áp dụng đối với hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trừ các nội dung quy định tại Quyết định này;

b) Hoạt động bán nợ không trái với nội dung quy định tại hợp đồng tín dụng/hợp đồng nhận nợ và hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký kết giữa Ngân hàng Phát triển, khách hàng và bên bảo đảm;

c) Hoạt động bán nợ do các bên tự thỏa thuận trên cơ sở tuân thủ quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Phương thức bán nợ: Ngân hàng Phát triển thực hiện bán nợ theo phương thức đấu giá. Việc đấu giá khoản nợ thực hiện theo quy định pháp luật về đấu giá tài sản.

4. Định giá khoản nợ: Ngân hàng Phát triển phải thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá được thành lập theo quy định của pháp luật thực hiện định giá khoản nợ để xác định giá khởi điểm dự kiến của khoản nợ được bán đấu giá.

5. Trường hợp khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng được định giá thấp hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được, ngoài điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Phát triển chỉ được bán nợ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu xác định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và dự kiến trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc xử lý tổn thất về tài sản của Ngân hàng Phát triển khi bán nợ thấp hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được;

b) Có hồ sơ, tài liệu chứng minh biện pháp bán nợ là biện pháp tối ưu để thu hồi nợ vay;

c) Phải được Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển thẩm định và thống nhất với đề xuất của Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển.

6. Trước khi xem xét, quyết định bán khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng được định giá thấp hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ, Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm tổng hợp các khoản nợ dự kiến bán, gửi Bộ Tài chính để lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan liên quan trước khi tổng hợp gửi Ngân hàng Phát triển trong thời gian tối đa là 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định. Văn bản của Ngân hàng Phát triển gửi Bộ Tài chính bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Thực trạng khách hàng vay vốn và khoản nợ dự kiến bán: Tên dự án vay vốn/khách hàng vay vốn, thời gian vay vốn, thời điểm chuyển theo dõi ngoại bảng; thực trạng thu hồi nợ (gốc, lãi) của khoản vay, dư nợ còn lại chưa thu hồi được tại thời điểm trình xuất toán; tác động của việc bán khoản nợ đến tài chính của Ngân hàng Phát triển; thực trạng hoạt động của khách hàng vay vốn; tình hình tài chính của khách hàng vay vốn theo số liệu tại báo cáo tài chính năm gần nhất với thời điểm đề nghị bán nợ được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp khách hàng đã phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật hoặc dừng hoạt động theo xác nhận của cơ quan có thẩm quyền); tình hình vay vốn của khách hàng tại các tổ chức tín dụng khác (nếu có); thông tin quan hệ tín dụng của khách hàng theo số liệu do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC) cung cấp tại thời điểm đề nghị bán nợ;

b) Phương án dự kiến xử lý tổn thất về tài sản của Ngân hàng Phát triển khi bán khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng được định giá thấp hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ (trong trường hợp bị tổn thất về tài sản do nguyên nhân chủ quan, xác định dự kiến trách nhiệm cụ thể của các tổ chức và cá nhân liên quan, mức bồi thường theo quy định của pháp luật; tiền bảo hiểm nếu có);

c) Các biện pháp đã sử dụng để thu hồi nợ vay sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng và hồ sơ, tài liệu chứng minh biện pháp bán nợ là biện pháp tối ưu để thu hồi nợ vay;

d) Ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển, Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển về việc đáp ứng điều kiện bán nợ và ý kiến khác (nếu có);

đ) Các hồ sơ, tài liệu khác (nếu có).

7. Sau khi hoàn tất việc bán nợ, Ngân hàng Phát triển thực hiện xử lý tổn thất về tài sản đối với khoản nợ theo quy định tại Điều 7 Quyết định này.

Điều 12. Lưu trữ hồ sơ về bán nợ**1. Hồ sơ lưu trữ về bán nợ**

a) Văn bản đề nghị/thoả thuận của khách hàng và bên bảo đảm về chấp thuận bán nợ (trừ trường hợp khách hàng, bên bảo đảm là tổ chức bị phá sản, giải thể hoặc là cá nhân được xác định chết, mất tích theo quy định của pháp luật): Bản chính;

b) Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh vay vốn và Hợp đồng nhận nợ (đối với khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh): Bản sao có chứng thực hoặc sao y bản chính;

c) Hợp đồng bảo đảm tiền vay/Hợp đồng bảo đảm ký kết giữa Ngân hàng Phát triển với bên bảo đảm (nếu có): Bản sao có chứng thực hoặc sao y bản chính;

d) Các văn bản, tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị của tài sản bảo đảm và giá trị khoản nợ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc sao y bản chính;

đ) Hồ sơ, tài liệu bán khoản nợ được định giá thấp hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được gửi xin ý kiến Bộ Tài chính và cơ quan liên quan theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Quyết định này: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc sao y bản chính;

e) Quyết định của Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển về việc bán khoản nợ thấp hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được sau khi Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Quyết định này: Bản chính;

g) Hợp đồng bán nợ theo quy định của pháp luật: Bản chính;

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan theo quy chế nội bộ của Ngân hàng Phát triển.

2. Hồ sơ lưu trữ về bán nợ phải được Ngân hàng Phát triển lưu giữ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Phát triển lưu giữ hồ sơ vĩnh viễn đối với khoản nợ vay được bán với giá bán thấp hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được.

Điều 13. Xử lý tài chính, hạch toán kế toán đối với khoản nợ được bán đang hạch toán nội bảng

1. Số tiền thu được từ bán nợ được thu hồi theo nguyên tắc: thu hồi nợ gốc trước, nợ lãi và các nghĩa vụ tài chính (nếu có) sau.

2. Trường hợp giá bán nợ cao hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản nợ được bán: Sau khi thu hồi số nợ gốc, nợ lãi và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) của khoản nợ được bán, phần chênh lệch dương còn lại (nếu có), Ngân hàng Phát triển hạch toán theo quy định về chế độ quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển.

3. Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ được bán: Ngoài số tiền thu được từ bán nợ, Ngân hàng Phát triển sử dụng tiền bồi thường (trong trường hợp bị tổn thất về tài sản do nguyên nhân chủ quan và phải bồi thường theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan), tiền bảo hiểm (nếu có) để thu hồi nợ. Ngân hàng Phát triển thực hiện xuất toán đối với số nợ lãi và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) không thu hồi được.

Điều 14. Xử lý tài chính, hạch toán kế toán đối với khoản nợ được bán đang theo dõi ngoại bảng và khoản nợ đã xuất toán khỏi ngoại bảng

1. Đối với trường hợp bán nợ đang theo dõi ngoại bảng, Ngân hàng Phát triển thực hiện xuất toán khoản nợ đã bán khỏi ngoại bảng.

2. Số tiền thu được từ bán nợ đối với khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng và khoản nợ đã xuất toán khỏi ngoại bảng được Ngân hàng Phát triển hạch toán theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển.

Mục 3 CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 15. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng và hằng năm, Ngân hàng Phát triển báo cáo kết quả xử lý rủi ro tín dụng theo quy định tại Quyết định này, cụ thể theo từng khoản nợ, từng khách hàng vay vốn, cách thức xử lý, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước. Trong trường hợp đột xuất, Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

2. Căn cứ báo cáo của Ngân hàng Phát triển, định kỳ hằng năm, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình xử lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng Phát triển sau khi lấy ý kiến tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước.

3. Nội dung báo cáo:

a) Số dư nợ Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro tín dụng đầu kỳ và cuối kỳ (cụ thể theo từng nhóm nợ);

b) Số dư nợ chuyển theo dõi ngoại bảng trong kỳ; số dư nợ theo dõi ngoại bảng đầu kỳ và cuối kỳ; số dư nợ xuất toán khỏi ngoại bảng trong kỳ và lũy kế đến kỳ báo cáo; số thu hồi từ các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trong kỳ; số thu hồi từ các khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng trong kỳ;

c) Số dư nợ đã xử lý rủi ro tín dụng thông qua bán nợ trong kỳ báo cáo; số thu được từ bán nợ trong kỳ báo cáo;

d) Báo cáo về xử lý tổn thất theo quy định tại Quyết định này (nếu có);

đ) Việc trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro tín dụng trong kỳ báo cáo;

e) Thuyết minh chi tiết về xử lý tài chính đối với số tiền thu hồi được từ các khoản nợ đã xử lý rủi ro tín dụng.

4. Thời gian chốt số liệu:

a) Đối với báo cáo 06 tháng đầu năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 năm báo cáo;

b) Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

5. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 06 tháng đầu năm: Chậm nhất vào ngày 30 tháng 7 năm báo cáo;

b) Đối với báo cáo năm: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

c) Nếu ngày cuối cùng của thời hạn nộp báo cáo trùng vào ngày lễ, ngày nghỉ thì hạn nộp báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.

6. Phương thức gửi báo cáo:

Ngân hàng Phát triển thực hiện gửi các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này theo một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;

c) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng dưới hình thức văn bản điện tử (nếu có);

d) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Ngân hàng Phát triển

a) Tổ chức triển khai thực hiện xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển theo đúng quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Ban hành quy chế nội bộ về xử lý rủi ro tín dụng theo đúng quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan, trong đó quy định rõ về: hồ sơ; biểu mẫu; trình tự, thủ tục xử lý rủi ro tín dụng; thẩm quyền, trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp, từng cá nhân trong quá trình xử lý rủi ro tín dụng và các nội dung khác có liên quan;

c) Rà soát, đánh giá hồ sơ và xem xét, quyết định việc chuyển theo dõi ngoại bảng và bán nợ theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính trung thực, chính xác và hợp pháp của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo Bộ Tài chính về việc xuất toán khoản nợ ra khỏi ngoại bảng theo quy định tại Điều 9 Quyết định này và việc bán các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng được định giá thấp hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ theo quy định tại Điều 11 Quyết định này;

đ) Thực hiện kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản lý, giám sát việc xử lý, thu hồi nợ vay theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan, hạn chế nợ xấu phát sinh; tiếp tục theo dõi, đôn đốc và có các biện pháp thu hồi đầy đủ khoản nợ vay được xử lý rủi ro;

e) Báo cáo, đề xuất với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan xem xét trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết).

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan có ý kiến đối với đề xuất của Ngân hàng Phát triển về việc xuất toán các khoản nợ ra khỏi ngoại bảng và bán các khoản nợ được định giá thấp hơn số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được theo quy định tại Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình xử lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng Phát triển hằng năm theo quy định tại Quyết định này;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý những vấn đề phát sinh trong việc triển khai Quyết định này và báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định này (nếu cần thiết).

3. Bộ Kế hoạch và đầu tư

Phối hợp với Bộ Tài chính xử lý những vấn đề phát sinh trong việc triển khai Quyết định này, và báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định này (nếu cần thiết).

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Chủ trì kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về tiền tệ và ngân hàng trong đó bao gồm nội dung xử lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính xử lý những vấn đề phát sinh trong việc triển khai Quyết định này, và báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định này (nếu cần thiết).

5. Bộ Tư pháp

Phối hợp với Bộ Tài chính xử lý những vấn đề phát sinh trong việc triển khai Quyết định này, và báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định này (nếu cần thiết).

6. Các bộ, ngành và các cấp chính quyền địa phương có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo các cơ quan và doanh nghiệp trực thuộc, trên địa bàn phối hợp, hỗ trợ Ngân hàng Phát triển trong công tác thu hồi nợ và xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: Ngân hàng Phát triển thực hiện các quy định liên quan đến xử lý rủi ro tín dụng sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng theo quy định tại Quyết định này. Hồ sơ chuyển theo dõi ngoại bảng, việc tính lãi đối với các khoản nợ này thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền tại thời điểm chuyển theo dõi ngoại bảng.

2. Đối với các khoản nợ tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu và nợ vay bắt buộc bảo lãnh, Ngân hàng Phát triển đã bán nợ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: Ngân hàng Phát triển thực hiện xử lý tài chính đối với khoản nợ (gốc, lãi) được bán và các nội dung liên quan theo quy định tại Điều 7 và khoản 3 Điều 13 Quyết định này.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2025.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 100

